

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 175/QĐ-NH5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế mở, hoạt động và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn
phòng đại diện trong nước của
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992;

*Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng
và Công ty tài chính ngày 24/5/1990;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và
trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế "Mở, hoạt động và chấm dứt
hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước của Ngân hàng thương mại cổ
phần Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với
quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Thống đốc, Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính, các Thủ
trưởng đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Chi
nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng
Thương mại cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT.Thống đốc Ngân hàng nhà nước

Phó Thống đốc

(Đã ký)

Đỗ Quế Lượng

QUY CHẾ

MỞ, HOẠT ĐỘNG VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH,
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TRONG NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ
PHẦN VIỆT NAM

(Ban hành theo Quyết định số 175-QĐ/NH5 ngày 3/7/1996 của Thống đốc Ngân
hàng Nhà nước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1.1. Chi nhánh trong nước của Ngân hàng Thương mại cổ phần (trong quy chế này gọi tắt là Chi nhánh) là đơn vị hạch toán phụ thuộc, đại diện pháp nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần, có con dấu riêng.

1.2. Văn phòng đại diện trong nước của Ngân hàng Thương mại cổ phần là một đơn vị trực thuộc của Ngân hàng Thương mại cổ phần, có con dấu riêng.

Điều 2. Địa bàn hoạt động của Chi nhánh được quy định trong giấy phép mở Chi nhánh.

Điều 3. Điều hành hoạt động Chi nhánh là Giám đốc, của Văn phòng đại diện là Trưởng Văn phòng đại diện.

3.1. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện do Hội đồng Quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần bổ nhiệm, bãi miễn theo đề nghị của Tổng giám đốc.

3.2. Việc bổ nhiệm hoặc bãi miễn các chức danh nêu tại khoản 3.1. trên, phải được Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi Ngân hàng Thương mại cổ phần đặt trụ sở chính chấp thuận bằng văn bản.

Điều 4. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho mở hoặc chất dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Ngân hàng Thương mại cổ phần phải đăng ký theo Luật định.

Điều 5.

5.1. Trong thời gian tối đa là 6 tháng kể từ ngày được chấp thuận, Ngân hàng Thương mại cổ phần phải hoàn tất các thủ tục còn thiếu và tiến hành khai trương hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện. Hết thời hạn trên, Ngân hàng Thương mại không khai trương hoạt động, Ngân hàng Nhà nước sẽ thu hồi giấy phép.

5.2. Trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 ngày, Ngân hàng Thương mại cổ phần phải đăng báo địa phương và báo Trung ương 3 số liên tiếp.

Điều 6. Thống đốc ngân hàng Nhà nước là người quyết định cấp giấy phép cho Ngân hàng Thương mại cổ phần mở và chấm dứt hoạt động đối với Chi nhánh hay Văn phòng đại diện.

Điều 7.

7.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần muốn thay đổi tên gọi, địa điểm trụ sở của Chi nhánh hay Văn phòng đại diện, phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

7.2. Việc thay đổi tên gọi, địa điểm trụ sở, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh hay Văn phòng đại diện phải tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan và phải đăng ký theo luật định.

Điều 8. Về thông tin báo cáo: Ngoài các báo cáo theo quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần, Chi nhánh hay Văn phòng đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần phải có báo cáo cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi đặt Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện, trong các trường hợp sau:

8.1. Khi có phát sinh những vấn đề bất thường;

8.2. Định kỳ 3 tháng/lần phải gửi bảng cân đối tài khoản, báo cáo về nhân sự;

8.3. Các báo cáo khác theo chế độ thông tin báo cáo hiện hành do Ngân hàng Nhà nước quy định và những báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

MỞ CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Mục 1

CHI NHÁNH

Điều 9.

9.1. Điều kiện để các Ngân hàng Thương mại cổ phần được xét cấp giấy phép mở chi nhánh:

9.1.1. Phải có thời gian hoạt động ít nhất là 2 năm kể từ ngày khai trương hoạt động;

9.1.2. Về vốn điều lệ:

9.1.2.1. Trường hợp mở Chi nhánh tại địa bàn (nơi đặt trụ sở chính, Ngân hàng Thương mại cổ phần phải đạt mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

9.1.2.2. Trường hợp mở chi nhánh ngoài địa bàn phải đạt mức vốn điều lệ tối thiểu quy định cho các Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi mở Chi nhánh (nếu mức vốn điều lệ này cao hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định cho các Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi đặt trụ sở chính).

9.1.3. Hoạt động kinh doanh có lãi, tình hình tài chính lành mạnh, không vi phạm các quy định của Pháp luật Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước;

9.1.4. Bộ máy quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ mạnh, hoạt động có hiệu quả;

9.1.5. Hệ thống thông tin đảm bảo yêu cầu về thông tin cho quản lý ngân hàng;

9.1.6. Giám đốc Chi nhánh phải là người đã tốt nghiệp một trong các trường Đại học kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc có trình độ tương đương, có năng lực chuyên môn, có ít nhất 2 năm công tác trong ngành ngân hàng; không vi phạm Điều 7 Luật công ty; khoản 6 Điều 32 Luật Doanh nghiệp Nhà nước; Điều 16 Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính và không vi phạm các quy định của Pháp luật khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước;

9.1.7. Kế toán trưởng Chi nhánh phải là người đã tốt nghiệp một trong các trường đại học kinh tế, ngân hàng, tài chính hoặc có trình độ tương đương, có thời gian công tác trong ngành ngân hàng ít nhất là 3 năm và am hiểu nghiệp vụ kế toán ngân hàng;

9.1.8. Tại địa bàn xin mở chi nhánh thực sự có nhu cầu về dịch vụ ngân hàng;

9.1.9. Có trụ sở Chi nhánh phù hợp với hoạt động ngân hàng, thuận tiện cho giao dịch của khách hàng, cũng như an toàn về kho quỹ.

9.2. Trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần hợp nhất, sáp nhập, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét chấp thuận cho mở Chi nhánh tại địa điểm cũ khi đảm bảo các điều kiện nêu tại khoản 9.1 trên, trừ khoản 9.1.1.

Điều 10. Hồ sơ xin mở chi nhánh gồm:

10.1. Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần phải ghi rõ: lý do, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhiệm vụ cụ thể của Chi nhánh và tóm tắt năng lực quá trình công tác của Giám đốc Chi nhánh;

10.2. Nghị quyết Hội đồng quản trị quyết định về việc mở Chi nhánh;

10.3. Phương án hoạt động của Chi nhánh trong 3 năm đầu. Phương án phải minh chứng tính khả thi về hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả kinh tế, sự cần thiết thành lập Chi nhánh cũng như nhu cầu về dịch vụ ngân hàng tại địa bàn;

10.4. Văn bản chấp thuận của chi nhánh ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng thương mại cổ phần dự định đặt trụ sở chi nhánh (đối với trường hợp mở chi nhánh ngoài địa bàn đặt trụ sở chính).

10.5. Bản sao giấy phép hoạt động và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần;

10.6. Văn bản chấp thuận cho đặt trụ sở Chi nhánh của Ủy ban nhân dân nơi Ngân hàng Thương mại cổ phần dự định đặt trụ sở Chi nhánh;

10.7. Văn bản xác nhận quyền sở hữu hoạt quyền sử dụng hợp pháp trụ sở Chi nhánh;

10.8. Lý lịch và bản sao các văn bằng chứng chỉ về trình độ chuyên môn của những người được dự định bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Chi nhánh.

10.9. Báo cáo kết quả kinh doanh 2 năm gần nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần;